

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết số 1982/NQ-NĐHP ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22/4/2021 và thay thế Quyết định số 3840/QĐ-NĐHP ngày 25 tháng 06 năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

Điều 3. Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐQT, BKS C.ty (để b/c);
- TGD, P.TGD C.ty (để t/hiện);
- Các đơn vị trong C.ty (để t/hiện);
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Tạ Công Hoan



EVNGENCO 2
TPC HAI PHONG

TIÊU CHUẨN
ISO 9001:2015

Lần ban hành: 03
Lần hiệu chỉnh: 03
Ngày hiệu lực: 22/4/2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 872/QĐ-NĐHP ngày 02 / 06 /2021)

Hải Phòng, tháng 5 năm 2021

PHIẾU YÊU CẦU SỬA ĐỔI/BAN HÀNH TÀI LIỆU

YÊU CẦU SỬA ĐỔI/BAN HÀNH TÀI LIỆU


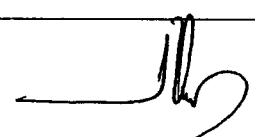
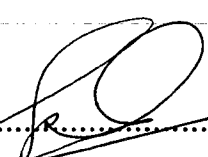
Tên tài liệu: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Nội dung sửa đổi/ban hành:

Dự thảo tài liệu/nội dung sửa đổi kèm theo Có: Không:

Lý do yêu cầu sửa đổi/ ban hành: Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

CHỦ TRÌ SOẠN THẢO

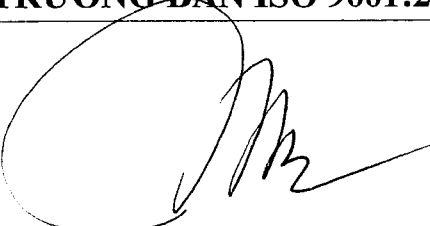


Đơn vị soạn thảo	Người kiểm tra
Trưởng Phòng HCLĐ Trần Hồng Vương:..... 	
Pháp chế Công ty Nguyễn Quang Khải:..... 	Họ và tên : Nguyễn Thường Quang Chức vụ : Tổng Giám đốc

THÀNH PHẦN THAM GIA XEM XÉT

Thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị trong Công ty

LỊCH SỬ TÀI LIỆU

Ngày nhận biết: 04/2021	Lần ban hành: 03
Ngày ban hành: 05/2021	Lần hiệu chỉnh: 03

TRƯỞNG BAN ISO 9001:2015	NGƯỜI DUYỆT
 Họ và tên: Dương Sơn Bá Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc	  Họ và tên: Tạ Công Hoan Chức vụ : Chủ tịch HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG

CĂN CỨ PHÁP LÝ:	4
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2: Giải thích thuật ngữ.....	4
CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Điều 3: Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 4: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 5: Chương trình, nội dung Đại hội.....	6
Điều 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 7: Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 8: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 9: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	6
Điều 10: Cách thức bỏ phiếu bầu cử.....	8
Điều 11: Cách thức kiểm phiếu.....	9
Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu	9
Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 14. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15: Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 16: Lập Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 17: Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 18: Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	11
CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 19: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	11
Điều 20: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 21: Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 22: Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 23: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 24: Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	13
Điều 25: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	13
CHƯƠNG IV: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	14
Điều 26: Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 27: Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	14
Điều 28. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 29. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 30: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	15
Điều 31. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.	15
CHƯƠNG V: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 32. Các tiểu ban thuộc HĐQT	15
Điều 33. Tổ chức hoạt động các tiểu ban.....	15

CHƯƠNG VI: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	15
Điều 34. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp.....	15
a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 và Điều 64 của Luật Doanh nghiệp;.....	16
b. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty; 16	
Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp	16
Điều 36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp.....	16
Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	17
Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý	17
CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	17
Điều 39. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	17
Điều 40. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.....	17
Điều 41. Tổng Giám đốc	17
Điều 42. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.....	18
Điều 43. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	18
Điều 44. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc	19
Điều 45. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	19
Điều 46. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc.....	19
CHƯƠNG VIII: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG... 20	
Điều 47. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	20
Điều 48. Khen thưởng.....	20
Điều 49. Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	21
CHƯƠNG IX: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY..... 21	
Điều 50. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty	21
Điều 51. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	21
Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	21
CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH..... 22	
Điều 53. Điều khoản thi hành.....	22

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-NĐHP ngày tháng năm 2021 của
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng)

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết 1982/NQ-NĐHP ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế quản trị công ty quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý, đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các Cổ đông và/hoặc các thành viên không phải là cổ đông nhưng có tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
"Quản trị công ty" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
 - Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;
 - Đảm bảo quyền của cổ đông;
 - Đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
 - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
 - Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;
 - Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;

- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
- a. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- b. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- c. "Công ty" là Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng;
- d. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- e. "Đại biểu" là cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- g. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành;
- h. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- i. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
- j. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" (sau đây gọi là "thành viên không điều hành") là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
- k. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" (sau đây gọi là "thành viên độc lập") là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.
- l. "Kiểm soát viên" là thành viên Ban kiểm soát
- m. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.
- n. "Người nội bộ" là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- o. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
- 2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó. ✓

CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3: Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 4: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Chương trình, nội dung Đại hội

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 17 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện theo ủy quyền.

Điều 7: Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Để đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, Cổ đông gửi xác nhận tham dự, giấy ủy quyền (nếu có) tới Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông phải mang theo Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác và Thông báo mời họp. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 khoản 3 và khoản 13 Điều 19 của Điều lệ Công ty.

Điều 8: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 9: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung:

- a. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.
- b. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
- c. Thẻ biểu quyết và/ hoặc các Phiếu biểu quyết và/ hoặc Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông), trên đó có ghi rõ số đăng ký mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- d. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết và bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc các cách thức khác được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp. Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
- e. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Quy định về tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết

- a. Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát.
- b. Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

c. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

3. Các hình thức biểu quyết

- a. Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem

như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giờ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.

- b. Biểu quyết bằng bỏ phiếu: Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu, đối với từng nội dung, đại biểu tham dự họp chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “O” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn thành tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 10: Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu


- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên tối đa có thể trúng cử;

Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên với số phiếu được chia đều đều cho từng ứng viên được lựa chọn, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;

Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử: 

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

- b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b khoản 3 Điều 9 Quy chế này.

Điều 11: Cách thức kiểm phiếu

1. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ cao Thẻ biểu quyết, Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
2. Khi tiến hành biểu quyết/ bầu cử theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ các phiếu biểu quyết/ bầu cử vào hòm phiếu được niêm phong để ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra lại số phiếu biểu quyết/ bầu cử thu về so với số phiếu biểu quyết/ bầu cử phát ra và kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu quyết/ bầu cử thu về. Đối với các nội dung biểu quyết, số phiếu "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" và số phiếu không hợp lệ của từng nội dung biểu quyết sẽ được tổng hợp riêng và được ghi rõ trên biên bản kiểm phiếu.
3. Trong trường hợp cần thiết và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty có thể chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại Đại hội. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu rõ số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến cho từng vấn đề cụ thể.

Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 14. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện đề nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty

Điều 15: Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16: Lập Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc lập Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 17: Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo các phụ lục đính kèm khác (nếu có) đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành và biểu quyết của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Nghị quyết, Biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định tại Điều 15 Quy chế này.
3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. ✓

Điều 18: Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 1 147 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
2. Việc chuẩn bị tài liệu, gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông; Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông; Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu; Điều kiện nghị quyết được thông qua và công bố biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.
Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác;
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Điều 20: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ Công ty.

Công ty đại chúng phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải thực hiện theo các biểu mẫu mà Công ty cung cấp và tuân thủ khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, trong thời hạn 03 ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, danh sách này sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 21 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật;

Điều 21: Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 20 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương III Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử và các thông tin khác (nếu có).
3. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 19 Quy chế này và các tiêu chí khác tại thông báo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách giới thiệu ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - Số lượng ứng viên được giới thiệu là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3 Điều này;
 - Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
 - Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

Điều 22: Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 23: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

- d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định.
 - Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 24: Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này được tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Điều lệ công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 25. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành. ✓

CHƯƠNG IV: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 26: Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là năm (05) người, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của công ty.
3. Thành viên Ban kiểm soát có điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 27: Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 20 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 28. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử tương tự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 20 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương IV Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử và các thông tin khác (nếu có).
3. Ban kiểm soát tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát sẽ chuẩn bị danh sách giới thiệu ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - Số lượng ứng viên được giới thiệu là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3 Điều này;
 - Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
 - Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Điều lệ Công ty.

Điều 29. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này ✓

Điều 30: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 36 Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp số lượng thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Ban kiểm soát không đảm bảo theo quy định.

Điều 31. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

CHƯƠNG V: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng ít nhất ba (03) người, có thể có thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.


Điều 33. Tổ chức hoạt động các tiểu ban

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VI: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 34. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc: 

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 và Điều 64 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Phó Tổng Giám đốc:
- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết luật pháp.
 - b. Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.
 - c. Về trình độ:
 - Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên.
 - Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.
 - d. Được tin nhiệm trong cương vị công tác và các tiêu chuẩn khác theo Quy chế cán bộ của Công ty.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kế toán trưởng Công ty
- a. Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định theo Luật Kế toán và pháp luật có liên quan.
 - b. Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.
 - c. Về trình độ:
 - Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.
 - Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.
 - Đối với Kế toán trưởng, phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.
 - d. Các tiêu chuẩn khác theo Quy chế cán bộ của Công ty.

Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.
2. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng là bốn (04) năm và nhiệm kỳ của cán bộ quản lý khác trong Công ty bổ nhiệm là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

Điều 36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

1. Công ty ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.
2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành doanh nghiệp có đơn xin từ chức và được HĐQT chấp thuận. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Hội đồng quản trị thì Người điều hành doanh nghiệp vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.
2. HĐQT có thể miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp trong trường hợp sau:
 - a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
 - b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.
 - d. Vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp trong nội bộ công ty và công bố thông tin về Người điều hành là Tổng Giám đốc, phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 39. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Khi các bên muốn triệu tập cuộc họp và mời các bên liên quan tham dự thì viết thư mời hoặc thông qua Thư ký Công ty để mời các thành phần liên quan tham dự. Tại các cuộc họp Người chủ trì cử người ghi biên bản cuộc họp và ký kết biên bản cuộc họp, tổ chức triển khai các công việc liên quan tại biên bản theo thẩm quyền của mỗi bên. Biên bản được lưu giữ tại Công ty.

Điều 40. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS đồng thời gửi cho Tổng Giám đốc trong vòng 24h kể từ ngày ban hành Nghị quyết.

Điều 41. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao
2. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ

Công ty và theo phân cấp làm việc giữa Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc, cụ thể như sau:

- a. Phê duyệt dự toán, phương án, hồ sơ, các bước thủ tục mua sắm, lựa chọn nhà thầu đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 05 (năm) tỷ đồng Việt Nam (trừ các hợp đồng vay, cho vay, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT).
- b. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động,... Phó Trưởng phòng hoặc tương đương trở xuống sau khi được HĐQT thống nhất chủ trương nhưng phải đảm bảo nguyên tắc không vượt cơ cấu và định biên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt/thông qua.
- c. Quyết định thanh xử lý, nhượng bán đối với những tài sản có giá trị dự kiến thu hồi dưới 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Điều 42. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Đối với Tổng Giám đốc: Trong quá trình điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị. Ngoài phạm vi quyền hạn thuộc thẩm quyền được phân cấp, Tổng Giám đốc trình HĐQT họp hoặc xin ý kiến bằng văn bản để HĐQT xem xét quyết nghị.
2. Đối với Ban kiểm soát: Trong quá kiểm soát các hoạt động của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ Công ty,... Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc các nội dung nhằm bảo vệ lợi ích của cổ đông, của Công ty, đảm bảo Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Công ty thì Ban kiểm soát yêu cầu họp HĐQT để làm việc và giải quyết vấn đề đúng, đủ nhất.

Điều 43. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Trong các cuộc họp định kỳ, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.
2. Tổng Giám đốc thực hiện các báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính và các báo cáo liên quan khác hàng quý và năm cho HĐQT.
3. Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT các vấn đề trong quá trình điều hành của mình cần xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT.
4. Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình sản xuất, hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của đơn vị để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

5. Tổng Giám đốc phải báo cáo HĐQT giải trình ngay khi có sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ sản xuất kinh doanh và kế hoạch khắc phục trình HĐQT

Điều 44. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

1. HĐQT giám sát chặt chẽ hoạt động của Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; Đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT được thực hiện tốt, thông suốt, phù hợp với phạm vi quyền và nhiệm vụ của HĐQT trong Điều lệ tổ chức và hoạt động.
2. HĐQT giám sát việc tổ chức thực hiện của Tổng Giám đốc đến các phòng ban trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty nhằm đáp ứng tốt, kịp thời nhu cầu công việc và chỉ đạo của cấp thẩm quyền; thông tin từ Ban TGD đến HĐQT và ngược lại đều nhanh chóng, thuận tiện, thời gian xử lý công việc đảm bảo.
3. Hằng năm, HĐQT phải thực hiện báo cáo việc kiểm soát và đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc báo cáo ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 45. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Ngoài các vấn đề Tổng Giám đốc cần báo cáo HĐQT/BKS về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo Quy chế này. Tổng Giám đốc quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) vì lợi ích cao nhất cho Công ty nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với HĐQT và BKS trong thời gian gần nhất.
2. Các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS.
3. Cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Tổng Giám đốc gửi các báo cáo trực tiếp đến HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát bằng đường văn bản, qua email hoặc thông qua Thư ký Công ty để chuyển đến HĐQT và Trưởng Ban BKS.

Điều 46. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị.
2. Các thông báo mời họp, tài liệu liên quan của cuộc họp được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT.
3. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu các thành viên HĐQT tham dự và trả lời các vấn đề mà BKS quan tâm.
4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách

nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

5. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
6. BKS kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty giúp Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.
7. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do thành viên Ban điều hành chủ trì, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch HĐQT/thành viên HĐQT hoặc BKS có liên quan cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.
8. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
9. Hội đồng quản trị bảo đảm rằng tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VIII: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Điều 47. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Chủ tịch Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.
3. Đánh giá hàng năm và phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo 3 mức như sau:
 - a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
 - b. Hoàn thành nhiệm vụ
 - c. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 48. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mức khen thưởng cho từng cá nhân có liên quan dựa trên quỹ tiền thưởng Ban quản lý điều hành được ĐHĐCĐ thông qua.
2. Các khen thưởng khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty.
3. Chế độ khen thưởng
 - a. Bằng tiền.
 - b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

Điều 49. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 50. Tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Điều lệ Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty được áp dụng theo quy định tại khoản 3, điều 31 Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.

Điều 51. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty để tư vấn, hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách Công ty trong trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Điều lệ Công ty;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận; ✓

- Không hoàn thành các công việc được giao;
 - Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.
2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng bao gồm 10 chương, 53 điều và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2021. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; Trưởng các đơn vị, phòng chức năng và các cá nhân có liên quan trách nhiệm thi hành Quy chế này.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng các điều chỉnh hoạt động của Công ty.
3. Các nội dung tại các quy định, quy chế của Công ty trước đây trái với nội dung tại Quy chế này (nếu có) thì sẽ không có hiệu lực và được áp dụng theo quy chế này. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định tại Quy chế này so với quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật thì áp dụng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật.
4. Quy chế được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng thông qua sửa đổi, bổ sung. Kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, Quyết định số 3840/QĐ-NĐHP ngày 25 tháng 06 năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng hết hiệu lực thi hành.
5. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Tạ Công Hoan